

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp thành lập mới) và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (sau đây gọi tắt là cơ sở ươm tạo công nghệ cao).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chứng nhận quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

1. Việc cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát

triển quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

Việc thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Điều 5. Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

1. Việc cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao quy định tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

Việc thu hồi giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo các quy định tại văn bản mới.

3. Đối với hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong, thì cơ quan, người có thẩm quyền đó tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

4. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, người tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO VÀ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO***(Kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN**ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)***I. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới được làm bằng ngôn ngữ tiếng Việt và lập thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua đường bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận của doanh nghiệp thành lập mới theo Biểu B1-DNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo Biểu B2-TMDNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho doanh nghiệp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và gửi lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nếu quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung, hoàn thiện không đạt yêu cầu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận gửi cho doanh nghiệp;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư

vấn thẩm định theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kết luận thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận và gửi cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp.

4. Mẫu Giấy chứng nhận theo Biểu B3-DNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

II. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao được làm bằng ngôn ngữ tiếng Việt và lập thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua đường bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B4a-TCCSUT; Biểu B4b-CNCSUT) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này (Biểu B5-TMCSUT) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

c) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B6a-LLKH); danh sách các chuyên gia tư vấn (Biểu B6b-DSCG) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

d) Văn bản cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia cơ sở ươm tạo công nghệ cao). Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị, máy móc của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, trường hợp sử dụng của các đơn vị liên kết, phải có các văn bản chứng minh năng lực của các đơn vị này;

đ) Văn bản chứng minh hợp tác, liên kết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong nước và ngoài nước.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và gửi lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nếu quá thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung, hoàn thiện không đạt yêu cầu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận gửi cho tổ chức, cá nhân.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kết luận thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao và gửi cho tổ chức, cá nhân.

Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao theo mẫu B7-CSUTCNC ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Biểu B1-DNTLM
xx/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI
TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp đề nghị:

Trụ sở doanh nghiệp:

Số đăng ký của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ¹.

Số điện thoại:

Fax:

2. Đại diện doanh nghiệp

Họ và tên:

Chức vụ:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu còn giá trị: số:..... ngày cấp.... nơi cấp.....

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban hồ sơ sau:

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Đại diện doanh nghiệp đề nghị
(Ký tên - đóng dấu)

¹ Trong trường hợp không tra được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đề nghị tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Biểu B2-TMDNTLM
xx/2025/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO**

I. Thông tin chung	
1	Tên dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:
2	Tên doanh nghiệp thành lập mới:
3	Thời gian, địa điểm hoạt động của dự án:
4	Kinh phí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:
Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng (hoặc USD) Các giai đoạn đầu tư: • Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD) • Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD) • Xuất xứ nguồn vốn: • Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng • Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD) • Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD) Hình thức đầu tư:	
5	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao
Tên viết tắt (nếu có): Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có): Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:	
6	Đại diện doanh nghiệp
Họ và tên: Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Số hộ chiếu còn giá trị: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:	

7	Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú
1			
8	Xuất xứ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (nguồn hình thành, mục tiêu chung của dự án):		
9	Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm của dự án ở trong và ngoài nước (thể hiện rõ quan điểm của doanh nghiệp về tính cấp thiết của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		
9.1. Ngoài nước:			
9.2. Trong nước:			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	Mục tiêu của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
10.1. Mục tiêu kinh tế - xã hội (dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, ...)			
10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ sản xuất sản phẩm gì? Sản phẩm tạo ra của dự án đạt trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	Nội dung dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
11.1. Giải trình công nghệ của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:			
- Nêu tóm tắt công nghệ của dự án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. - Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ. - Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước. - Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,...			

11.2. Giải trình các đặc điểm của sản phẩm tạo ra của dự án:

- Giải trình rõ sản phẩm tạo ra phải thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- Giải trình về chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường, và khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của sản phẩm.
- Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

11.3. Giải trình dây chuyền công nghệ của dự án: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ dự án (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

11.5. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án: theo các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

11.6. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của dự án: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện dự án.

11.7. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.

• Hiệu quả của dự án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của ngành, góp phần đổi mới công nghệ sản xuất của địa phương, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...). • Lao động và đào tạo. • An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. • ...						
12	Tiến độ thực hiện					
STT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung dự án)		
1						
III. Sản phẩm của dự án						
13	Dạng kết quả dự kiến của dự án					
Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các sản phẩm khác.						
14	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra					
STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
15	Hiệu quả của dự án					
• Hiệu quả về khoa học và công nghệ • Hiệu quả về kinh tế • Hiệu quả về xã hội						

....., ngày tháng năm 20....

Đại diện doanh nghiệp

(Ký tên, họ và tên)

Biểu B3-DNTLM
xx/2025/TT-BKHCN[ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ]CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY CHỨNG NHẬN****DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO**

Số chứng nhận:...../DNTLM

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số /20xx/QĐ-TTg ngày..... tháng..... năm 20.... của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;
- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên doanh nghiệp:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số.....
ngày cấp..... nơi cấp.....

Địa chỉ thực hiện dự án:

**Là doanh nghiệp thành mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao
“tên dự án” và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.**

Số đăng ký: /.....; quyền số: ; ngày tháng năm

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày cấp và có giá trị đến khi kết thúc dự án.

....., ngày tháng năm 20....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Mặt sau Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

- 1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*
- 2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.*
- 4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.*

Biểu B4a-TCCSUT
xx/2025/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO
CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn dành cho tổ chức)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Số điện thoại:

Fax:

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được đầu tư theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Số đăng ký của một trong số các giấy tờ sau: Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư².

4. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban hồ sơ sau:

a) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

b) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; danh sách các chuyên gia tư vấn;

c) Văn bản pháp lý cam kết về vốn; chứng minh năng lực của tổ chức; chứng minh sự đồng ý liên kết của các tổ chức, các cá nhân,...;

d) Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương theo mẫu quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

² Trong trường hợp không tra được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đề nghị tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Biểu B4b-CNCSUT
xx/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO
CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn dành cho cá nhân)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố....

1. Thông tin chung

Họ và tên cá nhân đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Số điện thoại:

Fax:

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được đầu tư theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Số đăng ký của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng)³.

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban hồ sơ sau:

a) 02 ảnh cỡ 4 x 6 cm.

b) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

c) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; danh sách các chuyên gia tư vấn;

d) Văn bản pháp lý cam kết về vốn; chứng minh năng lực của cá nhân; chứng minh sự đồng ý liên kết của các tổ chức, các cá nhân,...;

³ Trong trường hợp không tra được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đề nghị tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

đ) Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương theo mẫu quy định.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, họ tên)

Biểu B5-TMCSUT
xx/2025/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH NĂNG LỰC CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO,
ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**

I. Thông tin chung	
1	Tên cơ sở ươm tạo công nghệ cao
2	Các công nghệ, sản phẩm công nghệ ươm tạo chính; các doanh nghiệp ươm tạo chính
3	Trụ sở đăng ký, điện thoại, fax
4	Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Số định danh cá nhân/CCCD/hộ chiếu còn giá trị đối với cá nhân
5	Hình thức đầu tư
Bên Việt Nam (tên tổ chức, cá nhân) Bên nước ngoài (tên tổ chức, cá nhân)	
6	Thông tin cơ sở ươm tạo công nghệ cao
6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay • Địa chỉ: • Diện tích sử dụng: 6.2. Thời hạn được phép hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao 6.3. Thời điểm chính thức hoạt động 6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của cơ sở ươm tạo công nghệ cao 6.5. Tổng vốn đầu tư..... VN đồng USD,	

trong đó:

- Vốn cố định: VN đồng
USD, bao gồm
 - + Nhà xưởng..... m², trị giá..... VN đồng/USD
 - + Văn phòng..... m², trị giá..... VN đồng/USD
 - + Phòng hội thảo, phòng thí nghiệm và thử nghiệm..... m², trị giá..... VN đồng/USD
 - + Trang thiết bị, máy móc..... trị giá..... VN đồng/USD
 - + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định..... VN đồng/USD
- Vốn cố định khác..... VN đồng/USD
- Vốn pháp định VN đồng/USD
- + Bên Việt Nam%, là..... VN đồng/USD
- Gồm: - Tiền, tương đương..... VN đồng/USD
- Tài sản khác, tương đương..... VN đồng/USD
- + Bên nước ngoài..... %, là..... VN đồng/USD
- Gồm: - Tiền, tương đương..... VN đồng/USD
- Tài sản khác..... VN đồng/USD

II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu

7 | Mục tiêu của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

- 7.1. Phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội (giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,...)
- 7.2. Phù hợp với tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? Thử nghiệm, sản xuất sản phẩm công nghệ gì? Sản phẩm công nghệ tạo ra đạt trình độ nào so với các nước trong khu vực và quốc tế,...?)
- 7.3. Phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.

8 | Tổng quan tình hình hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

8.1. Ngoài nước

8.2. Trong nước

9 | Định hướng công nghệ ươm tạo, loại hình doanh nghiệp ươm tạo

- 9.1. Giải trình rõ công nghệ được ươm tạo, sản phẩm công nghệ tạo ra phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- 9.2. Giải trình rõ về các loại hình doanh nghiệp ươm tạo.

10	Cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện cụ thể quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2013/TT-BKHHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ			
10.1. Giải trình các công nghệ được ươm tạo				
10.2. Giải trình các doanh nghiệp được ươm tạo				
10.3. Giải trình về hạ tầng kỹ thuật				
• Giải trình rõ về hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho việc ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. • Hồ sơ quy hoạch chi tiết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, bao gồm: sơ đồ vị trí địa lý và giới hạn khu đất; bản đồ hiện trạng (hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan); bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, các phòng ban chức năng; các bản vẽ minh họa; bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. • Bộ hồ sơ chi tiết chứng minh các trang thiết bị, máy móc (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành; tính đồng bộ của thiết bị); hạ tầng mạng viễn thông, internet; cơ sở dữ liệu, tài liệu nghiên cứu đáp ứng được nhu cầu ươm tạo; các dịch vụ hỗ trợ khác.				
10.4. Giải trình về đội ngũ quản lý và lực lượng lao động trực tiếp làm việc tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao: Giải trình rõ về trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo; giải trình cụ thể về số lượng cán bộ, công nhân viên, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng làm việc của cán bộ, công nhân viên nêu trên.				
10.5. Giải trình về đội ngũ chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao: Giải trình rõ về số lượng chuyên gia tư vấn, trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm tư vấn; các cam kết hỗ trợ tư vấn lâu dài với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia tư vấn hỗ trợ lâu dài cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong việc tư vấn cho các nhóm nghiên cứu trẻ, tổ chức, cá nhân ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.				
Danh sách các chuyên gia tư vấn được lập theo bảng sau:				
STT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung việc tham gia	Thời gian làm việc cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Số tháng quy đổi ¹)
1				
2				
10.6. Giải trình về khả năng liên kết: Giải trình rõ về tầm quan trọng của việc liên kết giữa các tổ chức, cá nhân liên quan đến ươm tạo; khả năng thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ vào hoạt động ươm tạo của cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các văn bản pháp lý cam kết, đồng ý liên kết, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân về hạ tầng kỹ thuật, vốn, chuyên gia,...				

Danh sách các tổ chức, cá nhân liên kết và các nội dung liên kết				
STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Nội dung liên kết (Đề nghị ghi cụ thể)
1				
2				
10.7. Kế hoạch ươm tạo, kế hoạch phát triển (thể hiện rõ vai trò của cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong việc đầu tư, xây dựng và quản lý cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các phương pháp thu hút các nhóm nghiên cứu trẻ, các tổ chức, cá nhân có ý tưởng nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao tạo ra, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam) 10.7.1. Bản tóm tắt 10.7.2. Chiến lược ươm tạo Các cơ chế, chính sách của cơ sở ươm tạo công nghệ cao về việc thu hút các nhóm nghiên cứu trẻ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao. 10.7.3. Sản phẩm ươm tạo 10.7.4. Thị trường • Dự báo về xu thế phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao trên thế giới; nhu cầu chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường; khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được ươm tạo và góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. • Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra. • Dự báo về số lượng doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao được thành lập mới; khả năng thích nghi, sẵn sàng sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghệ, sản phẩm công nghệ cao đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước; Dự báo về nguồn lực, nhân lực KH&CN; dự báo nguồn lực, nhân lực công nghệ cao được đào tạo trong quá trình ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. 10.7.5. Chiến lược marketing và tiêu thụ sản phẩm Giải trình rõ về tầm quan trọng của việc quảng bá sản phẩm, xây dựng một kế hoạch có hệ thống để thực thi và điều chỉnh các hoạt động ươm tạo sao cho tổ chức, cá nhân được ươm tạo và các doanh nghiệp có thể trao đổi và tiếp nhận sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp quan tâm.				

10.7.6. Đội ngũ lãnh đạo

Cần chứng minh năng lực của đội ngũ lãnh đạo. Sơ đồ tổ chức lãnh đạo, công tác đào tạo và quản lý nhân sự trong vòng 05 năm tới.

10.7.7. Kế hoạch phát triển

- Phải tính toán chi phí và doanh thu thực tế, chi tiết để tính được lợi nhuận thu được.
- Lập kế hoạch phát triển ươm tạo, lập kế hoạch phát triển tài chính trong ngắn hạn và dài hạn.
- Trình bày hoạt động kinh doanh cụ thể trong vòng 05 năm tới.

10.7.8. Những cơ hội và nguy cơ

- Cần thể hiện được những cơ hội đặc biệt hoặc những rủi ro có thể phát sinh.
- Cần tính toán kỹ lưỡng bản kế hoạch kinh doanh trong điều kiện thuận lợi và trong tình huống bất lợi.
- Những yếu tố có thể ảnh hưởng tới hoạt động ươm tạo.

10.7.9. Kế hoạch vốn, kế hoạch triển khai duy trì hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

- **Giải trình về kế hoạch vốn:** giải trình rõ về năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

- **Giải trình về tổng chi bình quân cho hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong 01 năm, bao gồm:**

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ làm việc tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao; tiền công, tiền thù lao cho chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học, các khóa đào tạo tư vấn thường xuyên và chuyên sâu; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tiền chi hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân ươm tạo; chi cho việc marketing, quảng cáo và PR cho các sản phẩm ươm tạo thành công.

- Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho ươm tạo.

- Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ ươm tạo.

- Mua sắm các trang thiết bị, máy móc đồng bộ, hiện đại phục vụ cho việc ươm tạo.

- Tiền chi cho bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, nhà xưởng.

10.7.10. Tài liệu kèm theo

10.8. Giải trình về kế hoạch tư vấn, đào tạo thường xuyên và chuyên sâu cho các tổ chức, cá nhân ươm tạo: Lập kế hoạch đào tạo theo quý, theo năm, trong đó cần nêu rõ các tiêu chí về nội dung chuyên môn cần đào tạo, dự kiến chuyên gia tư vấn đáp ứng khóa đào tạo.

10.9. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng; các quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tiết kiệm năng lượng, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thông tin: Giải trình rõ các quy định, các chế tài của cơ sở ươm tạo công nghệ cao để đạt được các tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tương đương với quốc tế.

10.10. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho hoạt động thường xuyên của cơ sở ươm tạo công nghệ cao; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất, thử nghiệm ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Hiệu quả của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (công nghệ cao mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của cơ sở ươm tạo công nghệ cao,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).
- Hiệu quả của việc phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao đối với địa phương, ngành, quốc gia.
- Hiệu quả của việc đào tạo, nâng cao nguồn lực, nhân lực KH&CN.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

III. Dự kiến một số sản phẩm đạt được của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

11	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với công nghệ, sản phẩm công nghệ tạo ra					
STT	Tên công nghệ, sản phẩm công nghệ và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng công nghệ, sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
11.1	Công nghệ					
1						
2						
11.2	Sản phẩm công nghệ					
1						
2						

11.3	Công nghệ cao																
1																	
2																	
11.4	Sản phẩm công nghệ cao																
1																	
2																	
12	Doanh nghiệp KH&CN																
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh			Ghi chú												
1																	
2																	
13	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao																
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh			Ghi chú												
1																	
2																	
14	Doanh nghiệp công nghệ cao																
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh			Ghi chú												
1																	
2																	
15	Nguồn nhân lực																
STT	Lĩnh vực chuyên môn	Dự kiến số nhân lực			Ghi chú												
15.1.	Nhân lực KH&CN																
1																	
2																	
15.2.	Nhân lực công nghệ cao																
1																	
2																	
16	Đóng góp của cơ sở ươm tạo công nghệ cao																
• Đối với khoa học và công nghệ • Đối với kinh tế - xã hội																	

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu - nếu có)

Biểu B6a-LLKH
xx/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên:										
2. Năm sinh:					3. Nam/Nữ:					
4. Học hàm:					Năm được phong:					
Học vị:					Năm đạt học vị:					
5. Lĩnh vực nghiên cứu trong 05 năm gần đây:										
Khoa học Tự nhiên ☐			Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ ☐			Khoa học Y dược ☐				
Khoa học Xã hội ☐			Khoa học Nhân văn ☐			Khoa học Nông nghiệp ☐				
Mã chuyên ngành KH&CN:									Tên gọi:	
(Ví dụ: mã chuyên ngành KH&CN:			1		0		6		0 3 Tên gọi: Ví sinh vật học	
(Mã chuyên ngành KH&CN căn cứ theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)										
6. Chức danh nghiên cứu:					Chức vụ hiện nay:					
7. Địa chỉ nhà riêng:										
Điện thoại NR:					; CQ:		; Mobile:			
E-mail:										
8. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân:										
Tên cơ quan:										
Tên người đứng đầu:										
Địa chỉ cơ quan:										
Điện thoại:					; Fax:		; Website: http://www.			
9. Quá trình đào tạo										
Bậc đào tạo		Nơi đào tạo		Chuyên ngành		Năm tốt nghiệp				
Đại học										
Thạc sỹ										
Tiến sỹ										
Thực tập sinh khoa học										

10. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
STT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1					
2					
11. Quá trình công tác					
Thời gian (từ năm.... đến năm....)		Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác	
12. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 05 năm gần nhất)					
STT	Tên công trình (bài báo, công trình,...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng)	Năm công bố	
1	Tạp chí quốc tế				
2	Tạp chí quốc gia				
3	Hội nghị quốc tế				
13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)					
STT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng			
1					
2					
14. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)					
STT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian		
1					
2					

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 05 năm gần đây

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu - xếp loại, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,...)

STT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1		
2		

17. Kinh nghiệm về quản lý, đánh giá KH&CN (số lượng các Hội đồng tư vấn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước trong và ngoài nước đã tham gia trong 05 năm gần đây)

STT	Hình thức Hội đồng	Số lần
1		
2		

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

....., ngày tháng năm.....

CHUYÊN GIA

(Ký, họ tên)

Biểu B6b-DSCG
xx/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

TT	Họ và tên	Lĩnh vực tư vấn	Đơn vị công tác	Ghi chú
I	Chuyên gia có hợp đồng dài hạn			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
II	Chuyên gia tư vấn khác			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

....., ngày tháng năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu-nếu có)

Biểu B7-CSUTCNC
xx/2025/TT-BKHCN

**[ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ]**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP
CÔNG NGHỆ CAO

Số chứng nhận:/CSUTCNC

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025;
- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với tổ chức); Căn cước/Căn cước công dân/hộ chiếu (đối với cá nhân) số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Địa chỉ đặt trụ sở cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Là cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....

Số đăng ký:...../.....; Quyền số:.....; ngày..... tháng..... năm.....

Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày tháng năm.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Mặt sau Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

- 1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*
- 2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.*
- 4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.*

1 Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng